

## DEMAND FOR COSMETIC SURGERY TYPES AND RELATED FACTORS IN VIETNAM: A CROSS-SECTIONAL STUDY

Nguyen Thanh Van<sup>1</sup>, Tran Dang Khoa<sup>2</sup>, Ho Nguyen Anh Tuan<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>College of Medicine and Pharmacy, Tra Vinh University - 126 Nguyen Thien Thanh, Tra Vinh City, Tra Vinh Province, Vietnam

<sup>2</sup>Pham Ngoc Thach University of Medicine - 2 Duong Quang Trung, Ward 12, Dist 10, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 19/12/2024

Revised: 20/01/2025; Accepted: 25/03/2025

### ABSTRACT

**Objective:** To determine the demand for different types of cosmetic surgery, the proportion of cosmetic surgery performed, and some factors related to the demand for popular types (eyes and nose).

**Methods:** Cross-sectional research design, a total of 1684 patients at two cosmetic facilities, Khoa Thao Cosmetic Clinic and Thanh Van Cosmetic Hospital, from January 2018 to June 2019, were included in the study. Data were collected through the extraction of patients' medical records.

**Results:** Among 1684 people who went to cosmetic clinics, the % of those wanting eye surgery was 80.7% of those wanting nose surgery was 22.4%. Among them, 95.7% of patients decided to undergo cosmetic surgery, with eye and nose surgeries being the most commonly performed types of cosmetic surgery. In multivariate analysis, the older group had a higher demand for eye cosmetic surgery, while the younger group had a higher demand for nose cosmetic surgery.

**Conclusion:** Eye and nose surgeries are the two types of cosmetic surgery in high demand. Age is related to the demand for eye and nose cosmetic surgeries.

**Keywords:** Cosmetic surgery, eye cosmetic surgery, nose cosmetic surgery, demographic factors.

---

\*Corresponding author

**Email:** drtuan.pnt@gmail.com **Phone:** (+84) 916936380 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCĐ2.2198**

# NHU CẦU THỰC HIỆN CÁC LOẠI HÌNH PHẪU THUẬT THẨM MỸ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thanh Vân<sup>1</sup>, Trần Đăng Khoa<sup>2</sup>, Hồ Nguyễn Anh Tuấn<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Y Dược, Trường Đại học Trà Vinh - 126 Nguyễn Thiện Thành, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - 2 Dương Quang Trung, P. 12, Q. 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/12/2024

Chỉnh sửa ngày: 20/01/2025; Ngày duyệt đăng: 25/03/2025

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỉ lệ nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ, tỉ lệ các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ đã thực hiện và một số yếu tố liên quan đến nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ phổ biến (mắt, mũi).

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu cắt ngang, tổng cộng có 1684 bệnh nhân tại Phòng khám Thẩm mỹ Khoa Thảo và Bệnh viện Thẩm mỹ Thanh Vân từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2019 được thu nhận vào nghiên cứu. Thu thập số liệu thông qua trích xuất hồ sơ bệnh án của bệnh nhân.

**Kết quả:** Trong 1684 người tìm đến các cơ sở thẩm mỹ, tỉ lệ người có nhu cầu phẫu thuật mắt là 80,7% và có nhu cầu phẫu thuật mũi là 22,4%. Trong đó, có 95,7% bệnh nhân có quyết định thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ, phẫu thuật mắt và mũi cũng là hai loại hình được thực hiện nhiều nhất. Sau khi phân tích đa biến, nhóm lớn tuổi có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt cao hơn, nhóm trẻ tuổi có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi cao hơn.

**Kết luận:** Phẫu thuật mắt và mũi là hai loại hình phẫu thuật thẩm mỹ có nhu cầu thực hiện cao nhất. Tuổi có liên quan đến nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt và mũi.

**Từ khóa:** Phẫu thuật thẩm mỹ, phẫu thuật thẩm mỹ mắt, phẫu thuật thẩm mỹ mũi, yếu tố nhân khẩu học.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phẫu thuật thẩm mỹ được định nghĩa là một thủ tục xâm lấn tùy chọn để thay đổi và chỉnh sửa hình dạng của cơ thể trong trường hợp không có bệnh lý, chấn thương hoặc dị tật bẩm sinh cụ thể [1, 2]. Sự quan tâm ngày càng tăng của công chúng về ngoại hình của họ đã dẫn đến sự gia tăng phẫu thuật thẩm mỹ ở cả các nước phát triển và đang phát triển [3]. Theo thống kê từ Kho Dữ liệu Quốc gia phẫu thuật thẩm mỹ của Hiệp hội Thẩm mỹ vào năm 2019, người Mỹ đã chi gần 8,2 tỉ đô la cho phẫu thuật thẩm mỹ [4]. Tổng chi phí cho phẫu thuật mắt và mũi lần lượt là hơn 372 triệu đô la và hơn 212 triệu đô la [4].

Người dân ở các nước Châu Á, như Trung Quốc và Việt Nam, từng có thái độ khá tiêu cực đối với phẫu thuật thẩm mỹ do truyền thống về văn hóa và các vấn đề về đạo đức [5]. Tuy nhiên, xu hướng tiếp thị thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và người nổi tiếng đã

có tác động lớn đến nhận thức cá nhân [6]. Với sự chấp nhận ngày càng nhiều của việc chỉnh sửa sắc đẹp, số lượng bác sĩ và cơ sở phẫu thuật thẩm mỹ đa dạng, cũng như các kỹ thuật phẫu thuật an toàn hơn, ngày càng có nhiều người Châu Á quyết định thực hiện các loại phẫu thuật thẩm mỹ [5, 7]. Phẫu thuật thẩm mỹ ở Châu Á Thái Bình Dương dự kiến sẽ tăng trưởng đáng kể và đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm cao nhất là 5,96% trong vòng 8 năm tới (từ 2020 đến 2028) [8].

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển với dân số trẻ và nhu cầu làm đẹp ngày càng tăng [7]. Theo ghi nhận từ một báo cáo quốc gia, Việt Nam có hơn 20 Bệnh viện và 320 phòng khám phẫu thuật thẩm mỹ tư nhân bên cạnh hàng ngàn cơ sở chăm sóc sắc đẹp. Số người trung bình sử dụng dịch vụ thẩm mỹ mỗi năm ước tính khoảng 250.000 người, trong đó hơn 100.000 người thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ tại Thành phố Hồ Chí

\*Tác giả liên hệ

Email: drtuan.pnt@gmail.com Điện thoại: (+84) 916936380 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD2.2198>

Mình (TP.HCM). Ngành thẩm mỹ đang trở thành một trong những dịch vụ thiết yếu và tiềm năng nhất tại Việt Nam, trong khi TP.HCM được coi là trung tâm thẩm mỹ lớn nhất cả nước. Hiện nay, tại Việt Nam có rất ít nghiên cứu về mức độ phổ biến của các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ và mối liên quan giữa các yếu tố nhân khẩu học với các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ này, điều này đã gây khó khăn cho các nhà nghiên cứu và chính phủ trong việc xây dựng được bức tranh tổng thể và áp đặt các chính sách phù hợp. Do đó, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này với hai mục tiêu chính:

1. Xác định tỉ lệ nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ và các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ đã thực hiện của bệnh nhân;
2. Xác định mối liên quan giữa một số yếu tố nhân khẩu học với nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ phổ biến (mắt, mũi).

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang (hồi cứu hồ sơ bệnh án).

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả bệnh nhân tìm đến phẫu thuật thẩm mỹ tại 2 cơ sở thẩm mỹ là Phòng khám Thẩm mỹ Khoa Thảo và Bệnh viện Thẩm mỹ Thanh Vân từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2019.

- Tiêu chuẩn chọn vào:

+ Bệnh nhân đến hai cơ sở thẩm mỹ trên trong thời gian nghiên cứu.

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại ra:

+ Hồ sơ của bệnh nhân bị thiếu thông tin.

**2.3. Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỉ lệ, với  $\alpha = 0,05 \rightarrow Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ ;  $p = 0,30$  (Theo nghiên cứu của tác giả Jun Li và cộng sự tại Trung Quốc năm 2016, tỉ lệ bệnh nhân phẫu thuật mắt là 30%)[5];  $d = 0,03$ . Chúng tôi tính được  $n = 904$ . Thực tế nghiên cứu đã thực hiện hồi cứu được 1684 hồ sơ.

**2.4. Kỹ thuật chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ. Tất cả bệnh nhân đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn được đưa vào nghiên cứu.

**2.5. Phương pháp thu thập số liệu:** Thu thập số liệu thông qua trích xuất hồ sơ bệnh án của bệnh nhân. Các thông tin gồm tên, số điện thoại liên lạc, đặc điểm nhân khẩu học (bao gồm: nhóm tuổi, giới tính, tình trạng

dinh dưỡng (BMI) và tiền sử phẫu thuật), nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ và loại hình phẫu thuật thẩm mỹ thực tế đã thực hiện.

Nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ trong nghiên cứu này được định nghĩa là sự mong muốn hoặc đòi hỏi của bệnh nhân về các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ khi đến các cơ sở thẩm mỹ.

### 2.6. Phương pháp xử lý số liệu

- Các dữ liệu sau khi thu thập sẽ được nhập bằng phần mềm Epidata và xử lý số liệu bằng phần mềm Stata 14.0.

- Sử dụng tần số và tỉ lệ phần trăm để mô tả nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ, các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ đã thực hiện và các biến số nhân khẩu học.

- Sử dụng hồi quy tuyến tính đơn biến để xác định mối liên quan giữa các yếu tố nhân khẩu học với nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ phổ biến (mắt, mũi). Mô hình hồi quy đa biến được sử dụng để xác định mối liên quan đến nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt, mũi bằng cách đưa những yếu tố có giá trị  $p < 0,2$  trong phân tích đơn biến vào mô hình hồi quy đa biến. Mối liên quan được xác định khi  $p < 0,05$ .

### 2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 376/TĐHYK-PNT-HĐĐĐ.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

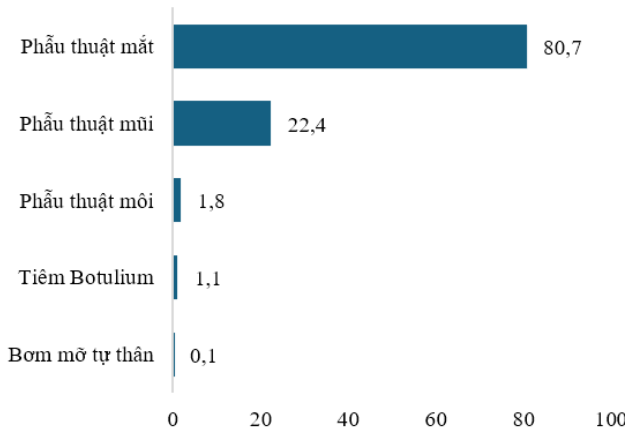
**Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu (n = 1684)**

Đặc điểm	Tần số	Tỉ lệ (%)
<b>Giới tính</b>		
Nam	74	4,5
Nữ	1610	95,6
<b>Nhóm tuổi</b>		
Dưới 18 tuổi	18	1,1
Từ 18 đến 30 tuổi	734	43,6
Trên 30 tuổi	932	55,3
<b>Tình trạng dinh dưỡng (BMI)</b>		
Thiếu cân	212	12,6
Bình thường	1368	81,2
Thừa cân	104	6,2

Đặc điểm	Tần số	Tỉ lệ (%)
<b>Tiền sử phẫu thuật</b>		
Không	1161	68,9
Có	523	31,1

Nghiên cứu thực hiện trên 1684 người, trong đó giới tính nữ chiếm 95,6% và độ tuổi trên 30 chiếm đa số với 55,3%. Phần lớn đối tượng có tình trạng dinh dưỡng bình thường với 81,2%. Có 31,1% đối tượng có tiền sử phẫu thuật trước đây.

### 3.2. Nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ và loại hình thẩm mỹ đã thực hiện



**Hình 1. Tỉ lệ các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ bệnh nhân mong muốn thực hiện (n = 1684)**

Trong 1684 người tìm đến các cơ sở thẩm mỹ, có đến

### 3.3. Mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt, mũi

**Bảng 3. Phân tích đơn biến mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học và nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt, mũi (n = 1684)**

Đặc điểm	Nhu cầu phẫu thuật mắt			Nhu cầu phẫu thuật mũi		
	Có n (%)	Không n (%)	Giá trị p	Có n (%)	Không n (%)	Giá trị p
<b>Giới</b>						
Nữ	1305 (81,1)	305 (18,9)	-	360 (22,4)	1250 (77,6)	-
Nam	54 (73,0)	20 (1,2)	0,087	18 (24,3)	56 (75,7)	0,692
<b>Nhóm tuổi</b>						
Dưới 18 tuổi	8 (44,4)	10 (55,6)	-	10 (55,6)	8 (44,4)	-
Từ 18-30 tuổi	563 (76,7)	171 (23,3)	0,003**	203 (27,7)	531 (72,3)	0,014*
Trên 30 tuổi	788 (84,5)	144 (15,5)	< 0,001***	165 (17,7)	767 (82,3)	< 0,001***
<b>BMI</b>						
Thiếu cân	174 (82,1)	38 (17,9)	-	53 (25,0)	159 (75,0)	-
Bình thường	1095 (80,0)	273 (20,0)	0,489	261 (19,1)	1107 (80,9)	0,758
Thừa cân	90 (86,5)	14 (13,5)	0,316	64 (61,5)	40 (38,5)	0,306

80,7% người có nhu cầu phẫu thuật mắt, tiếp theo là nhu cầu phẫu thuật mũi với 22,4%, các loại hình khác chiếm tỉ lệ khá thấp.

Cuối cùng, có 95,7% (1611/1684 người) đã quyết định thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ.

**Bảng 2. Tỉ lệ các loại phẫu thuật thẩm mỹ bệnh nhân đã thực hiện phân theo giới tính (n = 1611)**

Loại phẫu thuật thẩm mỹ	Nam (n = 73)	Nữ (n = 1538)	Tổng cộng (n = 1611)
Phẫu thuật mắt	65 (89,0)	1267 (82,4)	1332 (82,7)
Phẫu thuật mũi	12 (16,4)	336 (21,8)	348 (21,6)
Tiêm Botulium	1 (1,4)	27 (1,8)	28 (1,7)
Phẫu thuật môi	0 (0,0)	14 (0,9)	14 (0,9)
Bơm mỡ	0 (0,0)	1 (0,07)	1 (0,06)

Trong số 1611 bệnh nhân đã thực hiện phẫu thuật tại hai cơ sở thẩm mỹ, loại hình phẫu thuật thẩm mỹ được cả hai giới thực hiện nhiều nhất là phẫu thuật mắt với tương ứng là 89,0% ở nam và 82,4% ở nữ. Tiếp theo là phẫu thuật thẩm mỹ mũi với tỉ lệ ở nam và nữ lần lượt là 16,4% và 21,8%.

Đặc điểm	Nhu cầu phẫu thuật mắt			Nhu cầu phẫu thuật mũi		
	Có n (%)	Không n (%)	Giá trị p	Có n (%)	Không n (%)	Giá trị p
<b>Tiền sử phẫu thuật</b>						
Có	402 (76,9)	121 (23,1)	-	148 (28,3)	375 (71,7)	-
Không	957 (82,4)	204 (17,6)	0,008**	230 (19,8)	931 (80,2)	< 0,001***

(\*):  $p < 0,05$ ; (\*\*):  $p < 0,01$ ; (\*\*\*) :  $p < 0,001$

Đối với nhu cầu phẫu thuật mắt và nhu cầu phẫu thuật mũi, kết quả phân tích đơn biến tìm thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhu cầu phẫu thuật mắt, mũi với nhóm tuổi và tiền sử phẫu thuật của bệnh nhân.

**Bảng 4. Phân tích đa biến mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt (n = 1684)**

Đặc điểm	OR (KTC 95%)	Giá trị p
<b>Giới</b>		
Nữ	1	-
Nam	1,67 (0,968 – 2,863)	0,065
<b>Nhóm tuổi</b>		
Dưới 18 tuổi	1	-
Từ 18 đến 30 tuổi	4,81 (1,859 – 12,444)	0,001**
Trên 30 tuổi	7,78 (3,002 – 20,145)	<0,001***
<b>Tiền sử phẫu thuật</b>		
Có	1	-
Không	1,20 (0,825 – 1,733)	0,344

(\*\*):  $p < 0,01$ ; (\*\*\*) :  $p < 0,001$

Đối với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt, kết quả phân tích đa biến cho thấy nhóm đối tượng có độ tuổi từ 18-30 có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt cao gấp 4,81 lần và nhóm trên 30 tuổi có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt cao gấp 7,78 lần so với nhóm dưới 18 tuổi ( $p < 0,05$ ).

**Bảng 5. Phân tích đa biến mối liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi (n = 1684)**

Đặc điểm	OR (KTC 95%)	Giá trị p
<b>Nhóm tuổi</b>		
Dưới 18 tuổi	1	-
Từ 18 đến 30 tuổi	0,25 (0,097 – 0,648)	0,004**
Trên 30 tuổi	0,15 (0,056 – 0,375)	<0,001***

Đặc điểm	OR (KTC 95%)	Giá trị p
<b>Tiền sử phẫu thuật</b>		
Có	1	-
Không	0,84 (0,593 – 1,196)	0,337

(\*\*):  $p < 0,01$ ; (\*\*\*) :  $p < 0,001$

Kết quả phân tích đa biến cho thấy đối với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi, nhóm đối tượng có độ tuổi từ 18-30 có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi bằng 0,25 lần và nhóm trên 30 tuổi có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi bằng 0,15 lần so với nhóm dưới 18 tuổi ( $p < 0,05$ ). Như vậy tuổi càng cao thì nhu cầu phẫu thuật mũi càng giảm.

## 4. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện tại hai cơ sở thẩm mỹ là Phòng khám Thẩm mỹ Khoa Thảo và Bệnh viện Thẩm mỹ Thanh Vân từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 06 năm 2019. Trong 1684 đối tượng, nữ giới chiếm 95,6%. Phụ nữ được xem là đối tượng khách hàng chính của các cơ sở thẩm mỹ. Theo Hiệp hội bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ Hoa Kỳ - ASPS, 92,0% các trường phẫu thuật thẩm mỹ vào năm 2020 là phụ nữ. Mặt khác, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ bệnh nhân từ 18-30 tuổi và trên 30 tuổi chiếm phần lớn với lần lượt 43,6% và 55,3%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Jun Li và cộng sự vào năm 2016 tại Trung Quốc với bệnh nhân trên 18 tuổi chiếm 95,7%[5]. Theo báo cáo của ASPS, chỉ có 2,0% tổng số phẫu thuật thẩm mỹ được tiến hành trên bệnh nhân dưới 18 tuổi. Xu hướng phẫu thuật thẩm mỹ ngày càng tăng ở phụ nữ lớn tuổi đã được ghi nhận không chỉ ở Việt Nam mà còn ở Mỹ, nơi bệnh nhân có độ tuổi từ 40-54 chiếm 45% tổng số các trường hợp thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ. Quá trình lão hóa và áp lực của các phương tiện thông tin đại chúng được cho là làm trầm trọng thêm sự không hài lòng về cơ thể của mình cũng như vấn đề rối loạn ăn uống ở phụ nữ tuổi trung niên[9]. Bên cạnh đó, người trưởng thành và trung

niên có đủ điều kiện kinh tế hơn cho các hoạt động phẫu thuật thẩm mỹ. Họ có nhu cầu đến các cơ sở thẩm mỹ nhằm cải thiện nhan sắc để tự tin hơn trong công việc và gặp gỡ đối tác. Kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận chỉ có khoảng 1/3 bệnh nhân có tiền sử phẫu thuật thẩm mỹ. Tư vấn cho bệnh nhân trong các cơ sở thẩm mỹ nên được chú trọng để phù hợp với những người chưa có nhiều kinh nghiệm và hiểu biết về các dịch vụ trong lĩnh vực phẫu thuật thẩm mỹ.

#### **4.2. Nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ và loại hình phẫu thuật thẩm mỹ đã thực hiện**

Kết quả nghiên cứu chúng tôi cho thấy, trong 1684 người tìm đến hai cơ sở thẩm mỹ thì nhu cầu phẫu thuật mắt chiếm tỉ lệ cao nhất với 80,7%, tiếp theo là có nhu cầu phẫu thuật mũi với 22,4%. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy có 95,7% (1611/1684 người) quyết định thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ. Loại hình phẫu thuật thẩm mỹ được cả hai giới quyết định thực hiện nhiều nhất là phẫu thuật mắt với tương ứng là 89,0% (65/73 người) ở nam và 82,4% (1267/1538 người) ở nữ, tiếp theo là phẫu thuật thẩm mỹ mũi với tỉ lệ ở nam và nữ lần lượt là 16,4% (12/73 người) và 21,8% (336/1538 người). Kết quả thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ phù hợp với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ của bệnh nhân. Tại Thái Lan, nơi có tiêu chuẩn về vẻ đẹp tương tự như Việt Nam, phẫu thuật mí mắt và nâng mũi cũng là 2 loại phẫu thuật phổ biến nhất với tỉ lệ lần lượt là 21,9% và 15,5%. Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ mắt và mũi thậm chí còn được xếp vào 5 loại phẫu thuật thẩm mỹ được tiến hành nhiều nhất trên toàn thế giới với khoảng 2 triệu trường hợp được ghi nhận vào năm 2019 theo khảo sát của ISAPS [10]. Do đó, nhu cầu phẫu thuật và quyết định lựa chọn các phương pháp phẫu thuật của các đối tượng trong nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp với xu hướng làm đẹp trên toàn cầu hiện nay.

Tuy nhiên, tỉ lệ thực hiện phẫu thuật mắt trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nhiều so với các báo cáo khác ở trên. Sự khác biệt này có thể được giải thích là do các cơ sở thẩm mỹ trong nghiên cứu chúng tôi nổi tiếng về các loại phẫu thuật thẩm mỹ trên khuôn mặt, đặc biệt là phẫu thuật mắt.

#### **4.3. Môi liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu học với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt và mũi**

Đối với nhu cầu phẫu thuật mắt, kết quả phân tích đa biến cho thấy nhóm đối tượng có độ tuổi từ 18-30 có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt cao gấp 4,81 lần và nhóm trên 30 tuổi có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt cao gấp 7,78 lần so với nhóm dưới 18 tuổi ( $p < 0,05$ ). Đối với nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi, kết quả phân tích đa biến cho thấy nhóm đối tượng có độ tuổi từ 18-

30 có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi cao gấp 0,25 lần và nhóm trên 30 tuổi có nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mũi cao gấp 0,15 lần so với nhóm dưới 18 tuổi ( $p < 0,05$ ). Kết quả này cho thấy có một sự tương phản đáng chú ý là người trung niên thường mong muốn phẫu thuật mắt, trong khi những người trẻ có nhu cầu phẫu thuật mũi. Y học chứng cứ trước đây đã chỉ ra rằng mục tiêu thiết yếu của phẫu thuật thẩm mỹ mắt là cắt bỏ da thừa mí trên chày xệ do lão hóa [11]. Phẫu thuật này có thể giúp người trung niên và người lớn tuổi trông trẻ hơn và duy trì đôi mắt hài hòa [11]. Trong khi đó, giới trẻ bị ảnh hưởng bởi xu hướng làm đẹp qua các bộ phim truyền hình Hàn Quốc và Trung Quốc tại Việt Nam [5]. Do đó, các cơ sở thẩm mỹ cần quan tâm hơn đến công tác tư vấn, chính sách để thu hút bệnh nhân quay trở lại để thực hiện các loại hình dịch vụ khác.

Đây là nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam đánh giá tỉ lệ nhu cầu thực hiện các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ và tỉ lệ các loại hình phẫu thuật thẩm mỹ đã thực hiện cũng như xác định các yếu tố liên quan đến nhu cầu thực hiện phẫu thuật của bệnh nhân. Điều này có thể cung cấp thêm thông tin cho các cơ sở thẩm mỹ để xác định các nhóm khách hàng chính và mở rộng quy mô kinh doanh thông qua việc thúc đẩy tiếp thị với những khách hàng tiềm năng, đồng thời giúp dự đoán chính xác xu hướng làm đẹp trong vài năm tới, từ đó khuyến khích các bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ không ngừng cải thiện chuyên môn của mình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng có một số hạn chế. Thứ nhất, hai cơ sở thẩm mỹ tham gia vào nghiên cứu này khá nổi tiếng với các loại phẫu thuật vùng hàm mặt, do đó làm tăng tỉ lệ bệnh nhân thực hiện phẫu thuật mắt. Thứ hai, tất cả dữ liệu chỉ được thu thập tại hai cơ sở phần nào làm giảm tính đại diện của kết quả nghiên cứu. Từ đó, cần có nhiều nghiên cứu sâu hơn với nhiều cơ sở thẩm mỹ khác nhau để có cái nhìn đầy đủ hơn về thực trạng của ngành phẫu thuật thẩm mỹ tại Việt Nam.

### **5. KẾT LUẬN**

Phẫu thuật mắt và mũi là hai loại hình phẫu thuật thẩm mỹ có nhu cầu thực hiện cao nhất. Tuổi có liên quan đến nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ mắt và mũi. Kết quả của nghiên cứu đã bước đầu cung cấp một số nhận định chung về các nhu cầu phẫu thuật thẩm mỹ và đánh giá một số yếu tố liên quan đến nhu cầu phẫu thuật của khách hàng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] E. E. Breuning, D. Oikonomou, P. Singh và cộng sự. Cosmetic surgery in the NHS: Applying local and national guidelines. *J Plast Reconstr Aesthet Surg*, 2010, 63(9): 1437-42.
- [2] C. Stefanile, A. Nerini and C. Matera. The factor structure and psychometric properties of the Italian version of the Acceptance of Cosmetic Surgery Scale. *Body Image*, 2014, 11(4): 370-9.
- [3] O. A. Adedeji, G. O. Oseni and P. B. Olaitan. Awareness and attitude of healthcare workers to cosmetic surgery in osogbo, Nigeria. *Surg Res Pract*, 2014, 2014(869567).
- [4] The Aesthetic Society's Cosmetic Surgery National Data Bank: Statistics 2019. *Aesthetic Surgery Journal*, 2020, 40(Supplement\_1): 1-26.
- [5] J. Li, Q. Li, B. Zhou và cộng sự. Predictive factors for cosmetic surgery: a hospital-based investigation. *Springerplus*, 2016, 5(1): 1543.
- [6] S. Yoon and Y. A. Kim. Cosmetic Surgery and Self-esteem in South Korea: A Systematic Review and Meta-analysis. *Aesthetic Plast Surg*, 2020, 44(1): 229-238.
- [7] Cuong Nguyen, Phuoc Tran and Minh Nguyen. Factors that motivate young people's intention to undergo cosmetic surgery in Vietnam. *International Journal of Pharmaceutical and Healthcare Marketing*, 2020, ahead-of-print(
- [8] INKWOOD. The Asia Pacific cosmetic surgery and procedure market forecast 2020-2028., <https://inkwoodresearch.com/reports/asia-pacific-cosmetic-surgery-and-procedure-market/#report-summary>, 2020. Accessed 14th May.
- [9] A. Hockey, F. K. Barlow, A. L. Shiels và cộng sự. Body dissatisfaction in midlife women: The applicability of the tripartite influence model. *Body Image*, 2021, 39(202-212).
- [10] International Society of Aesthetic Plastic Surgery (ISAPS). Global survey 2019. 2019,
- [11] I. Cho. Aging blepharoplasty. *Arch Plast Surg*, 2013, 40(5): 486-91.

